

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 124a/2020/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Trần Thị Bé T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 118/2 đường BĐ, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh S.

2. Ông **Lý Hoài B**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 73/26/115 đường P, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/02/2017. Trong quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sống không phù hợp về lối sống và thường xuyên cãi nhau, không thể hàn gắn và hòa giải, từ tháng 9/2020 vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay. Nay bà T và ông B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho bà T và ông B. Xét thấy, bà T và ông B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông B có 01 người con chung là cháu Lý Hoài Bảo S, (nam, sinh ngày 06/6/2018). Sau khi ly hôn, bà T và ông B thống nhất giao cháu B Sơn cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng: Ông B cấp dưỡng nuôi con Lý Hoài B Sơn mỗi tháng 1.500.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01 năm 2021 đến khi chấm dứt theo quy định của pháp luật, địa điểm cấp dưỡng do bà T và ông B thỏa thuận.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận. Án phí cấp dưỡng ông Lý Hoài B không phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Lý Hoài Bảo S, (nam, sinh ngày 06/6/2018) cho bà T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ông Lý Hoài B cấp dưỡng nuôi con Lý Hoài B Sơn mỗi tháng 1.500.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01 năm 2021 đến khi chấm dứt theo quy định của pháp luật, địa điểm cấp dưỡng do bà T và ông B thỏa thuận.

Ông Lý Hoài B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bé T và ông Lý Hoài B mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do bà T và ông B đã nộp theo các biên lai thu số 0004814 ngày 13/11/2020 và 0004808 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà T và ông B đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lý Hoài B không phải chịu án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lý Bích Khiêm